

TÁC ĐỘNG CỦA CÁC HIỆP ĐỊNH WTO ĐỐI VỚI CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN

ỦY BAN THƯƠNG MẠI QUỐC GIA THỤY ĐIỂN. Tác động của các hiệp định WTO đối với các nước đang phát triển. H.: Ủy ban quốc gia về Hợp tác kinh tế quốc tế (Bộ Thương mại), 2005, 251 tr.

PHƯƠNG NGÀ
lược thuật

Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, đặc biệt là việc gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) mang lại nhiều cơ hội nhưng cũng đưa đến nhiều thách thức đối với các nước đang phát triển. Cuốn sách là kết quả nghiên cứu của Ủy ban Thương mại quốc gia Thụy Điển (NBT), trong đó sưu tập và phân tích những tác động của WTO đối với các nước đang phát triển cho tới nay; tập trung đánh giá tác động của những quy định hiện hành của WTO, như thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, quyền sở hữu trí tuệ và giải quyết tranh chấp; qua đó nêu bật những lợi ích mà các nước đang phát triển có thể thu được cũng như các thách thức phải vượt qua. Cuốn sách cung cấp những thông tin bổ ích cho các cơ quan quản lý nhà nước cũng như các doanh nghiệp trong việc tận dụng được các cơ hội và vượt qua các thách thức khi Việt Nam trở thành thành viên WTO. Xin giới thiệu với bạn đọc những nội dung chính của cuốn sách này.

1. Trong phần thứ nhất, nhóm tác giả đưa ra định nghĩa về một số thuật ngữ sử dụng trong cuốn sách; giới thiệu về hệ thống thương mại đa phương (GATT và WTO).

- Các định nghĩa

+ Khái niệm “các nước đang phát triển” chỉ các nước đã chọn thứ bậc này

trong WTO. Tuy nhiên, các nước đang phát triển là một nhóm không đồng nhất, với các mức phát triển, năng lực sản xuất khác nhau, v.v.. Theo quan điểm của nhóm tác giả, không đơn giản coi các nước đang phát triển là một nhóm đơn lẻ. Một điểm nữa là các nước đã trở thành thành viên của EU vào ngày 1/5/2004, và các nước là ứng viên của EU (Bulgaria,

Croatia, Romania, Thổ Nhĩ Kỳ), không được coi là “các nước đang phát triển” do mục tiêu của cuốn sách.

Khái niệm “các nước đang phát triển” là không rõ ràng trong bối cảnh của WTO. Không có một tiêu chuẩn chính thức nào đối với việc định nghĩa một nước đang phát triển. Thay vào đó, mỗi nước thành viên có thể tự chọn cho mình vị trí là một nước phát triển hay nước đang phát triển. Trong WTO, hiện có khoảng 100 nước đang phát triển. Một lý do tại sao không thể thể hiện chính xác hơn là vì các nước có thể có những địa vị khác nhau trong các hiệp định khác nhau. Nói cách khác, các nước có thể được phân loại là nước đang phát triển đối với một hiệp định và là nước phát triển đối với một hiệp định khác.

+ *LDC - low development country*- là thuật ngữ được Liên Hợp Quốc sử dụng để chỉ “các nước kém phát triển”. Việc một nước đang phát triển có được coi là một LDC hay không được xác định dựa trên mức thu nhập, điều kiện của nguồn nhân lực (tuổi thọ trung bình kỳ vọng, mức dinh dưỡng, trình độ giáo dục và trình độ đọc viết) và mức độ khác biệt về kinh tế. Hiện tại, có 49 LDCs trên thế giới, trong đó có 32 nước là thành viên của WTO.

+ Khái niệm “*phát triển bền vững*” đang ngày càng có ý nghĩa lớn hơn đối với việc hoạch định chính sách. Khái niệm thực tế của phát triển bền vững được đưa ra đầu tiên vào năm 1987 trong báo cáo “Tương lai chung của chúng ta” của Hội đồng Brundland. Báo cáo này đưa ra định nghĩa: “Phát triển bền vững là sự phát triển thỏa mãn nhu cầu của hiện tại mà không làm phương hại tới khả năng thỏa mãn nhu cầu của các thế hệ tương lai”. Năm 1998, bộ trưởng các nước OECD nhất trí giải thích phát triển bền vững

theo một cách nhìn rộng hơn, bao gồm cả các phương diện kinh tế, xã hội và môi trường. Cuốn sách này tập trung vào hai phương diện đầu tiên.

-Hệ thống thương mại đa phương

+ *GATT* có hiệu lực vào năm 1948 với 23 nước ký kết, trong đó có 12 nước đang phát triển. Đây được coi chỉ là một hiệp định tạm thời, vì

GATT được hy vọng sẽ dần dần trở thành một bộ phận trong một cơ quan lớn hơn của Liên Hợp Quốc là Tổ chức Thương mại quốc tế (ITO), có trách nhiệm bao hàm trong các lĩnh vực thương mại hàng hóa và dịch vụ, đầu tư, cạnh tranh, luật lao động, v.v. Tuy nhiên, dự thảo ITO thiếu sự hỗ trợ về chính trị và GATT từ đó trở thành một nền tảng *thực tế* của hệ thống thương mại sau chiến tranh.

Trong 25 năm đầu tiên của GATT, các cuộc đàm phán đã làm cho hàng rào thuế quan đối với các hàng hóa công nghiệp của các nước phát triển giảm từ mức trung bình 40% xuống còn xấp xỉ 4%. Tuy nhiên, các sản phẩm quan trọng từ cách nhìn của các nước đang phát triển (như hàng nông sản và dệt may) phần lớn không nằm trong các cuộc đàm phán này.

Vòng đàm phán cuối cùng của GATT là Vòng đàm phán Uruguay (1986-1993). Kết quả của vòng đàm phán này là một khuôn khổ thể chế mới về hệ thống thương mại đa phương - Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Các quy định thương

mại cũng được mở rộng ra đối với thương mại dịch vụ và quyền sở hữu trí tuệ. Vòng đàm phán Uruguay cũng bao hàm cả thương mại sản phẩm nông nghiệp và thương mại hàng dệt may vào phạm vi của GATT. Một thay đổi quan trọng nữa là yêu cầu tất cả các nước thành viên của WTO đều phải tham gia vào tất cả các hiệp định, bất chấp mức độ phát triển.

+ WTO được thành lập vào tháng Giêng năm 1995. Các hiệp định WTO được chia ra làm 3 trụ cột chính: thương mại hàng hóa (GATT + các hiệp định bổ sung); thương mại dịch vụ (GATS); và quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS). WTO còn thực hiện một cơ chế giải quyết tranh chấp đối với tất cả các hiệp định.

Mục tiêu cơ bản của WTO là góp phần làm tăng mức sống, toàn dụng lao động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực theo các nguyên tắc của phát triển bền vững.

WTO có 5 chức năng chính:

- Bảo đảm để các hiệp định của WTO được thực hiện;
- Tạo ra một diễn đàn cho các đàm phán thương mại;
- Thực hiện cơ chế giải quyết tranh chấp;
- Thực hiện cơ chế rà soát chính sách thương mại; và
- Hợp tác với IMF và WB với mục tiêu đạt được sự hài hòa trong chính sách kinh tế toàn cầu.

Cơ quan ra quyết định cao nhất của WTO là Hội nghị Bộ trưởng, mà theo Hiệp định WTO, họp ít nhất hai năm một lần.

2. Phần thứ hai của cuốn sách phân tích các hiệp định của WTO, bao gồm: công nghệ thông tin (ITA), Dệt may, Nông

ng nghiệp, Thương mại máy bay dân dụng, Mua sắm chính phủ (GPA), Định giá hải quan (CVA), Quy chế xuất xứ, Thủ tục cấp phép nhập khẩu (ILP), Kiểm tra trước khi giao hàng (PSI), Các hàng rào kỹ thuật đối với thương mại (TBT), Các biện pháp vệ sinh dịch tễ (SPS), Trợ cấp và các biện pháp đối kháng (SCM), Chống bán phá giá, Tự vệ, Các biện pháp đầu tư liên quan tới thương mại (TRIMs).

Tuy nhiên, các tác giả cũng lưu ý rằng, việc phân tích và đánh giá tác động của các hiệp định WTO đối với các nước đang phát triển là rất phức tạp xét trên các khía cạnh như:

- Phần lớn các hiệp định của WTO dựa trên những quy chế và nguyên tắc đã được định ra từ năm 1948, với sự ra đời của GATT. Những quy chế này đã được mở rộng và bổ sung trong suốt năm mươi năm sau đó. Vì thế, những tác động của các hiệp định này đối với các nước đang phát triển có thể được truy nguyên qua một thời gian dài và không chỉ đơn giản trong giai đoạn từ sau 1995, khi WTO được thành lập.

- Cần phải loại trừ tác động của các nhân tố khác ngoài các hiệp định của WTO, như các hiệp định thương mại tự do song phương và khu vực, tiến trình tự do hóa thương mại đơn phương và các cải cách cơ cấu.

- Việc thực hiện một hiệp định hay một quy định cụ thể nào của WTO đôi lúc có thể đòi hỏi sử dụng rất nhiều nguồn lực trong ngắn hạn, trong khi lại chỉ có thể thu được các lợi ích trong dài hạn hơn, chưa kể đến một số hiệp định phân tích trong cuốn sách này là tương đối mới.

- Một thách thức khác là đánh giá tình hình sẽ như thế nào nếu WTO và các hiệp định của nó không tồn tại. Rõ ràng, không thể thẩm tra một đánh giá như

vậy, nhưng thảo luận về việc đó vẫn thú vị nhìn từ quan điểm đánh giá giá trị của hệ thống WTO đối với các nước đang phát triển. Theo quan điểm của các tác giả, nếu WTO không tồn tại thì mức độ tham gia của các nước đang phát triển vào thương mại có thể sẽ ít hơn đáng kể.

- Có thể bị sai lệch nếu xem tất cả các nước đang phát triển như một thực thể thống nhất. Các nước đang phát triển là một nhóm lớn và không đồng nhất, với những khác biệt đáng kể trong các nhân tố như thu nhập, tiềm năng thương mại, lợi ích và ưu tiên. Điều này có nghĩa là tác động của từng hiệp định WTO chắc chắn khác nhau giữa các nước trong nhóm này.

Những phân tích về các hiệp định của WTO được các tác giả tiến hành theo các bước:

- Bối cảnh
- Mô tả hiệp định
- Tác động đối với các nước đang phát triển
- Kết luận
- Tài liệu tham khảo

Và tập trung vào các lĩnh vực sau:

Mở cửa thị trường

Trong khuôn khổ WTO, công cụ quan trọng nhất để đạt được khả năng thâm nhập thị trường cao hơn cho hàng hóa là các vòng đàm phán về cắt giảm thuế quan. Kết quả của các vòng đàm phán liên tiếp về cắt giảm thuế quan là thuế quan của các nước phát triển đối với hàng hóa phi nông nghiệp đã được cắt giảm dần dần xuống, tính trung bình, đến mức rất thấp. Đối với các nước đang phát triển, khả năng thâm nhập của hàng hóa phi nông nghiệp vào thị trường các nước đang phát triển khác bị hạn chế hơn nhiều so với các nước phát triển. Tuy vậy,

những nghiên cứu trong cuốn sách cho thấy cắt giảm thuế quan là rất ít hoặc trong một số trường hợp nhất định, thực sự không hề có cắt giảm đối với các hàng hóa đặc biệt quan trọng đối với các nước đang phát triển, như hàng dệt may. Vì thế, tính trung bình, đối với hàng xuất khẩu, các nước đang phát triển phải đương đầu với thuế quan cao hơn so với các nước phát triển. Cho tới nay, mở cửa thị trường mới chỉ được cải thiện rất ít đối với các dịch vụ (ngoại trừ dịch vụ viễn thông và dịch vụ tài chính) và nông sản, mặc dù Hiệp định về Nông nghiệp và GATS đã đặt nền móng cho những cuộc đàm phán tiếp theo và ít nhất bảo đảm mức độ mở cửa thị trường tối thiểu.

Một nguyên tắc quan trọng làm nền tảng cho các hiệp định WTO là giúp bảo đảm cải thiện khả năng mở cửa thị trường được gọi là đối xử "tối huệ quốc" (MFN). Nguyên tắc này ngăn ngừa sự phân biệt đối xử giữa các nước đối tác thương mại và có nghĩa là mọi sự cắt giảm thuế quan được tự động áp dụng cho tất cả các thành viên khác, bất kể nước đó có tham gia tích cực vào các cuộc đàm phán thuế quan hay không. Theo đó, các nước có thể hưởng những cắt giảm thuế quan đã được các nước khác thỏa thuận. Tình huống này đặc biệt có lợi cho những nước đang phát triển thiếu năng lực đàm phán và có khó khăn trong việc tham gia vào tất cả các hiệp định WTO. Điều này được áp dụng đối với tất cả các nước chậm phát triển và đa số các nước đang phát triển ở mức phát triển trung bình. Vì thế, nguyên tắc MFN có tầm quan trọng rất lớn đối với việc mở rộng khả năng tiếp cận thị trường của các nước đang phát triển, mặc dù khó chứng minh được điều này về mặt thực nghiệm.

Tuy nhiên, các thành viên WTO vẫn có thể đi lệch khỏi nguyên tắc MFN này

bằng cách, ví dụ, ký kết các hiệp định thương mại tự do khu vực hoặc song phương để được hưởng mức thuế quan thấp hơn nữa. Trong những năm gần đây, các loại hiệp định như vậy đã tăng lên nhanh chóng về số lượng, với hậu quả là tầm quan trọng của MFN trong thương mại thế giới bị giảm sút. Tác động của xu hướng này khác nhau đối với các nước khác nhau. Đối với một số nước nhất định (ví dụ Mexico và Nam Phi), khả năng thâm nhập những thị trường quan trọng như Hoa Kỳ và EU được cải thiện đáng kể thông qua các hiệp định thương mại song phương và/hay khu vực. Ngược lại, đối với các nước khác nằm ngoài các hiệp định này, kết quả chắc chắn sẽ là phân biệt đối xử trong thương mại ở mức độ cao hơn. Như thế, đối xử MFN đối với hầu hết các nước nghèo ngày nay đang trở thành đồng nghĩa với đối xử “thiếu huệ quốc”.

Một nguyên tắc cơ bản có vai trò nền tảng khác của các hiệp định WTO được gọi là “đối xử quốc gia”. Nguyên tắc này có nghĩa là hàng nhập khẩu và hàng cùng loại sản xuất trong nước phải được đối xử như nhau một khi hàng nhập khẩu đó đã đi qua biên giới. Không giống như nguyên tắc MFN, nguyên tắc này chưa bị xói mòn bởi những diễn biến bên ngoài WTO. Ngược lại, nguyên tắc này có xu hướng được tăng cường bởi thủ tục giải quyết tranh chấp mới, giúp cải thiện các điều kiện tuân thủ. Một tỷ lệ đáng kể các tranh chấp được trình lên WTO liên quan tới các vi phạm quy chế đối xử quốc gia.

Nguyên tắc trung tâm nữa là cấm các biện pháp hạn chế định lượng (hạn ngạch). Nhìn chung, nguyên tắc này được các nước tôn trọng, nhưng ý nghĩa của nó bị suy yếu vì có những ngoại lệ trong hai lĩnh vực đặc biệt quan trọng

đối với các nước đang phát triển: sản phẩm nông nghiệp và sản phẩm dệt. Tuy nhiên, với sự ra đời của Hiệp định về Nông nghiệp và Hiệp định về Dệt may trong khuôn khổ WTO, những sai lệch này giờ đây đã được giải quyết và việc sử dụng các hạn chế định lượng trong hai ngành này cũng đang được loại bỏ dần. Trong trường hợp ngành dệt may, điều này sẽ sớm dẫn đến những cải thiện to lớn trong mở cửa thị trường.

Ít tùy tiện hơn và có kỷ cương hơn

Việc tăng cường khả năng thâm nhập thị trường không chỉ đơn giản đạt được bằng cách cắt giảm thuế quan và thông qua các biện pháp mở cửa thị trường khác, mà còn thông qua các hiệp định khác bổ sung, việc tiếp tục phát triển và giải thích các quy định khác của GATT (ví dụ, các hiệp định về định giá hải quan, hàng rào kỹ thuật đối với thương mại, các biện pháp chống bán phá giá và các biện pháp tự vệ khác). Chủ định của các hiệp định này là tăng cường kỷ cương đối với từng thành viên của WTO trong việc áp dụng các biện pháp bóp méo thương mại khác nhau.

Trên thực tế, khó có thể chứng minh về mặt thực nghiệm tác động của các hiệp định này. Tuy nhiên, dựa trên kinh nghiệm nghiên cứu những vấn đề này, các tác giả kết luận rằng các hiệp định này đã dẫn đến việc mở cửa thị trường được cải thiện hơn và ổn định hơn so với trường hợp không đạt được các hiệp định đó, trong khi đó phạm vi bảo hộ, phân biệt đối xử và tùy tiện đã bị hạn chế tương ứng.

Tuy nhiên, nhiều hiệp định trong số này đòi hỏi phí tổn lớn khi thực hiện. Điều này gây ra khó khăn trong việc thực hiện đối với các nước đang phát triển, nghĩa là họ khó hoàn thành các

nghĩa vụ của mình và khó được hưởng lợi từ những quyền của họ theo hiệp định. Điều này có thể tạo ra những tác động tiêu cực về mặt thương mại đối với các nước này.

Thương mại

Nhờ GATT/WTO, thương mại đã phát triển như thế nào trước tác động của các hiệp định WTO? Các bên đã có thể khai thác được lợi thế thực sự từ việc mở cửa thị trường theo GATT và WTO? Đó là những câu hỏi mà cuốn sách tìm kiếm câu trả lời. Kết luận của các tác giả là GATT và WTO đã thúc đẩy thương mại thế giới, nhưng không phải đối với tất cả các loại hàng hóa cơ bản, và với mức độ thấp hơn ở các nước đang phát triển so với các nước phát triển.

Tuy vậy, gần 50% thương mại thế giới ngày nay được thực hiện theo các dàn xếp ngoài WTO, làm cho tầm quan trọng tương đối của WTO giảm sút. Hơn nữa, tự do hóa thương mại đơn phương, bao gồm cả các chương trình cụ thể do WB và IMF khuyến khích, cũng có thể đã góp phần làm gia tăng thương mại.

Hơn nữa, khả năng tham gia vào hoạt động thương mại của các nước đang phát triển phần nhiều được quyết định bởi các nhân tố khác ngoài các quy chế và các hiệp định, như sự ổn định chính trị, sự hiện hữu của các thể chế cần thiết, tỷ giá hối đoái, đầu tư, khả năng sản xuất, cơ sở hạ tầng và tình hình dịch bệnh.

Tình trạng nghèo đói và phân phối thu nhập

Mức độ nghèo đói bị ảnh hưởng bởi WTO là một vấn đề quan trọng, vì mục đích của WTO, cùng những cái khác, là góp phần nâng cao mức sống và toàn dụng lao động. Tuy nhiên, khó có thể đánh giá được tình trạng đói nghèo và

phân phối thu nhập trong mối liên hệ với WTO vì chúng vốn bị ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố khác, trong đó một số có tầm quan trọng còn cao hơn cả thương mại nói chung và WTO nói riêng. Ví dụ về các nhân tố này là chính sách trong nước và các chiến lược xóa đói giảm nghèo của các nước đang phát triển, tình trạng xung đột trong nước và tình hình dịch bệnh HIV/AIDS.

Nhóm tác giả cũng dẫn ra nhiều nghiên cứu cho rằng, tự do hóa thương mại nói chung là một đồng minh trong cuộc chiến chống nghèo đói, thông qua xu hướng gia tăng thu nhập, từ đó tạo ra nhiều nguồn lực hơn để có thể sử dụng để giảm nghèo. Tuy nhiên, các tác giả chỉ ra mối tương quan thường khá yếu. Hơn nữa, họ cho rằng mối tương quan này có tính riêng biệt theo từng nước, nghĩa là tác động của thương mại là khác nhau giữa các nước.

Các tác giả chỉ ra ba kênh qua đó tự do hóa thương mại ảnh hưởng trực tiếp đến nghèo đói: tính truyền của giá cả, kinh doanh và tình hình ngân sách của chính phủ. Thứ nhất, tự do hóa thương mại ảnh hưởng tới giá cả của hàng hóa. Tác động dạng này đối với các hộ nghèo chủ yếu phụ thuộc vào việc họ là nhà sản xuất ròng hay tiêu dùng ròng của mặt hàng đang xem xét. Về tiềm năng, tác động này có thể rất nghiêm trọng, vì một thay đổi đáng kể về giá có thể góp phần tạo dựng hoặc phá hủy thị trường của một loại hàng hóa. Thứ hai, tác động của tự do hóa thương mại đối với kinh doanh cũng ảnh hưởng tới nghèo đói thông qua ảnh hưởng tiền lương và việc làm. Thứ ba, nghèo đói có thể bị ảnh hưởng do việc tự do hóa tác động đến tình hình ngân sách của chính phủ. Bên cạnh đó, các tác giả còn lưu ý đến bốn nhân tố khác đóng vai trò quan trọng trong việc xác định

mức độ tác động của tự do hóa thương mại đối với nghèo đói: tăng trưởng kinh tế, tổn phí của các điều chỉnh, rủi ro và bất ổn, và việc đáp ứng nguồn cung được thể hiện trong nhiều nghiên cứu khác.

Giải quyết tranh chấp

Hệ thống giải quyết tranh chấp của WTO đã cải thiện khả năng để các nước đang phát triển tăng cường việc tuân thủ các cam kết của WTO do các nước khác đưa ra. Đóng góp này cho hệ thống dựa trên luật lệ có ý nghĩa quan trọng đối với các nước đang phát triển, vì nó làm giảm bớt sự mất cân bằng trong các mối quan hệ thương mại song phương vốn dựa trên sức mạnh kinh tế và chính trị.

Các nước đang phát triển dính líu vào các tranh chấp ở WTO nhiều hơn so với thời kỳ GATT (1948-1994), và với mức độ thành công cũng cao hơn. Tuy nhiên, những tranh chấp này hầu hết là do các nước đang phát triển lớn hay phát triển cao hơn theo đuổi. Các biện pháp trừng phạt đối với việc không tuân thủ cơ chế giải quyết tranh chấp này phần lớn vẫn giới hạn ở mức đe dọa trừng phạt thương mại, điều này gây bất lợi cho các nền kinh tế nhỏ, phụ thuộc vào nhập khẩu, trong đó có nhiều nước đang phát triển. Tuy nhiên, đây không phải là vấn đề lớn vì các nước phát triển phần nhiều tuân thủ các phán quyết của cơ chế giải quyết tranh chấp này cho dù họ bị thua kiện.

Chi phí, tiết kiệm hay nguồn lợi từ việc thực hiện các hiệp định WTO

Việc thực hiện một số hiệp định WTO là gánh nặng đối với những nước đang phát triển thiếu nguồn lực, có những khiếm khuyết về năng lực hành chính, và/hoặc kém phát triển về cơ sở hạ tầng. Vấn đề này ít quan trọng hơn đối với các nước LDCs, vì họ có thể hưởng

quy chế đối xử đặc biệt liên quan tới việc thực hiện các nghĩa vụ. Tuy nhiên, các nước đang phát triển nghèo khác không thuộc vào nhóm LDCs lại bị ảnh hưởng nặng nề.

Chi phí thực hiện rất khác nhau giữa các hiệp định của WTO. Ví dụ, hiệp định TRIPS đòi hỏi nguồn chi phí khá lớn để một quốc gia đạt được mức yêu cầu tối thiểu trong lĩnh vực quyền sở hữu trí tuệ. Ngược lại, Hiệp định GATS, dựa trên sự tự nguyện của mỗi nước tự chọn mức độ cam kết của riêng mình, là một hiệp định tương đối "rẻ".

Cho dù các hiệp định WTO mang lại những nguồn lợi, song những phí tổn vẫn có thể thấy ngay tức thì, trong khi phải mất một khoảng thời gian nhất định mới thu được nguồn lợi. Do đó, có thể coi các hiệp định WTO như một khoản đầu tư trong một nền kinh tế có tính cạnh tranh cao hơn. Ví dụ, việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ hay dịch vụ hải quan hữu hiệu đòi hỏi những khoản đầu tư lớn để xây dựng luật pháp và hành chính, những khoản đầu tư mà chỉ trong dài hạn hơn mới mang lại lợi ích cho thương mại, đầu tư và gia tăng hoạt động kinh tế.

Tác động của các hiệp định WTO đối với các nhóm nước theo vùng địa lý và theo mức độ phát triển

Nhằm mục đích xác định một thành viên có vị thế phát triển hay đang phát triển, WTO sử dụng các nguyên tắc tự chọn. Điều này có nghĩa là từng quốc gia tự quyết định rằng mình sẽ được đối xử như một nước phát triển hay một nước đang phát triển. Các nền kinh tế phát triển tương đối cao như Singapore hay Hong Kong có rất ít điểm chung với các nước nghèo ở châu Phi trong nhóm LDCs. Vì thế, các tác giả đã chọn cách phân loại của UNDP: mức độ phát triển con người cao, trung bình và thấp.

Mức độ phát triển con người cao

Cùng các nền kinh tế khác, nhóm này có Hong Kong, Singapore, Hàn Quốc, Israel, một số nước ở Trung và Nam Mỹ như Argentina, Chile, Costa Rica, Mexico và Uruguay. Những nền kinh tế này đã có năng lực thương mại phát triển tốt và vì thế hưởng lợi từ các cam kết mà các đối tác thương mại đưa ra về cắt giảm thuế quan và mở cửa thị trường. Các nền kinh tế này còn tham gia tích cực vào các cuộc đàm phán và công việc thường xuyên của WTO và, theo đánh giá trong cuốn sách, không gặp khó khăn rõ ràng nào khi thực hiện các cam kết mà họ đã đưa ra.

Những nền kinh tế này cũng đưa ra cam kết về cắt giảm thuế quan đối với hàng hóa phi nông nghiệp nhiều hơn so với cam kết của các nước đang phát triển và kém phát triển khác. Theo một số nghiên cứu, điều này cũng có lợi cho sự phát triển của những nền kinh tế này. Nhiều nền kinh tế trong nhóm này đang tích cực sử dụng các biện pháp tự vệ và biện pháp chống bán phá giá, cũng như bị các nước khác áp dụng các biện pháp đó.

Trong các lĩnh vực nông nghiệp và dịch vụ, dự kiến một số nước đang phát triển có mức độ phát triển con người cao sẽ có thể hưởng lợi từ việc tự do hóa nhiều hơn nữa. Nhìn chung, có thể nói, nhiều nước trong nhóm này còn có triển vọng tốt về hưởng lợi từ hiệp định TRIPS vì có năng lực công nghệ phát triển khá cao.

Mức độ phát triển con người trung bình

Trong phạm vi WTO, một số nước lớn và có nhiều ảnh hưởng như Brazil, Ấn Độ, Trung Quốc và Nam Phi thuộc nhóm đông đảo và khá không đồng nhất

này. Nhóm này còn bao gồm một số nước ASEAN, như Philippines, Indonesia, Malaysia và Thailand.

Một số nước trong nhóm này đã có đủ khả năng tham gia một cách tích cực vào các hiệp định WTO, mặc dù họ chưa đưa ra những cam kết sâu rộng hơn như các nước thuộc nhóm ở trên. Một số ít nước trong nhóm này đã tham gia vào một hoặc nhiều hiệp định chuyên ngành kể từ 1995 và tham gia vào Hiệp định về Thương mại máy bay dân dụng.

Một số nước trong nhóm này có tiềm lực xuất khẩu lương thực rất lớn, do đó có thể được hưởng lợi từ khả năng thâm nhập thị trường cao hơn trong lĩnh vực nông nghiệp. Một số nhà sản xuất hàng dệt quan trọng như Trung Quốc và Ấn Độ, dự kiến sẽ hưởng lợi từ việc nối lỏng quản lý đối với hạn ngạch hàng dệt may. Tuy vậy, các nước khác trong nhóm này sẽ bị thua thiệt bởi Hiệp định về Dệt may. Một số nước trong nhóm có thể hưởng lợi từ Hiệp định TRIPS. Nói về thương mại dịch vụ, một số nước cũng hưởng lợi từ quá trình tự do hóa trong ngành viễn thông, dịch vụ tài chính và du lịch.

Brazil, Ấn Độ và Nam Phi là những nước thường xuyên sử dụng các biện pháp chống bán phá giá. Trên thực tế, Ấn Độ là nước sử dụng các biện pháp này nhiều thứ hai trong tất cả các thành viên của WTO. Trung Quốc là nước bị các nước khác áp dụng biện pháp này nhiều nhất, trong khi đó Philippines, Malaysia và Thailand cũng đã bị áp dụng nhiều biện pháp chống bán phá giá đối với hàng hóa xuất khẩu của họ.

Mức độ phát triển con người thấp

Đa số các nước châu Phi nằm trong nhóm này. Hầu hết trong nhóm này cũng là các nước LDCs. Tác động của

WTO rất khác nhau giữa các nước này, vì trong nhiều hiệp định, các nước LDCs được hưởng các ngoại lệ bổ sung nhiều hơn và cao hơn quy chế đối xử đặc biệt thông thường dành cho các nước đang phát triển. ít đòi hỏi, hay không có đòi hỏi gì cả, đối với các nước LDCs, và trong mọi khả năng điều này có nghĩa là chi phí thực hiện các hiệp định đối với họ là thấp hơn.

Các nước nghèo trong nhóm này nhưng lại không thuộc nhóm LDCs được đối xử giống như các nước đang phát triển trong WTO. Vì một số hiệp định đòi hỏi nhiều nguồn lực để thực hiện, nên sẽ khó khăn cho những nước này trong việc thực hiện các hiệp định đó.

Nói chung, có thể thấy, các nước này ít tham gia vào công việc của WTO. Các nước châu Phi, không có ngoại lệ, đưa ra rất ít các cam kết về thuế quan. Năm 2001, các nước châu Phi cận Sahara và các nước trong nhóm LDCs có mức thuế quan cao nhất. Không một nước nào trong nhóm này tham gia vào các hiệp định chuyên ngành về thuế quan hay Hiệp định về Mua sắm chính phủ.

Trong Vòng đàm phán Uruguay, người ta lo sợ rằng tự do hóa thương mại về nông sản sẽ dẫn tới giá lương thực gia tăng, điều này có thể làm cho các nước LDCs và một số nước đang phát triển nhập lương thực ròng gặp khó khăn trong nhập khẩu lương thực. Tuy thế, giá đã không tăng như người ta lo sợ.

Các nước có mức độ phát triển con người thấp được đánh giá là không được hưởng lợi nhiều từ Hiệp định TRIPS, vì do nguồn lực hạn hẹp, trình độ kỹ thuật của họ chưa đạt mức cần thiết để có thể thu hút đầu tư. Hiệp định TRIPS quả thực có thể là gánh nặng tài chính to lớn đối với các nước đang phát triển có mức

độ phát triển con người thấp và ngân sách chính phủ nhỏ bé.

Vì những nước này đóng một vai trò kinh tế tương đối nhỏ nên họ không tham gia nhiều vào các biện pháp chống bán phá giá và các biện pháp khác chống lại hàng nhập khẩu có tác động bóp méo thị trường, hoặc trong vai trò người sử dụng hoặc người bị áp dụng các biện pháp đó.

Cho tới nay, chỉ một nước LDC là Bangladesh theo đuổi một vụ kiện trong hệ thống giải quyết tranh chấp của WTO. Đây có thể là một dấu hiệu cho thấy các nước LDCs không có đủ nguồn lực cần thiết để sử dụng hệ thống này. Cách giải thích khác là tỷ trọng của nước đó trong thương mại thế giới thấp và/hoặc cơ cấu hàng xuất khẩu của họ thấp.

Qua các phân tích nêu trên, nhóm tác giả đi đến kết luận rằng, việc rút ra các kết luận chung khi xác định tác động của các hiệp định WTO đối với các nước đang phát triển là khó khăn, bởi đó là một nhóm nước lớn và không đồng nhất, ở các giai đoạn phát triển khác nhau và có các nhu cầu và lợi ích khác nhau. Thêm vào đó, còn có nhiều yếu tố có vai trò tác động lớn như sự ổn định về chính trị, kinh tế và xã hội, cơ sở hạ tầng, vị trí địa lý, tình trạng y tế, giáo dục, chính sách tái phân phối của chính phủ. Tuy nhiên, có thể khẳng định rằng, WTO đã góp phần giảm bớt các hàng rào thương mại và thúc đẩy thương mại thế giới trong một số lĩnh vực nhưng còn nhiều điều phải làm trong một số ngành mà các nước đang phát triển có lợi ích lớn. Điều này đặc biệt đúng với thương mại hàng hoá và nông sản - những ngành hiện vẫn còn bị quản lý nặng nề ở hầu hết các nước.